

Thứ năm, ngày 19 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảm điểm mạnh phiên đáo hạn HĐTL

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/3/2020	•		
Tuần 16/3-20/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index không duy trì được đà hồi phục của phiên giao dịch hôm qua. Ngay từ đầu phiên sáng, chỉ số giảm mạnh xuống dưới mốc tham chiếu và dành toàn bộ thời gian giao dịch vận động quanh nền đáy 710 điểm. VCB, VNM, SAB, GAS, BID là các mã cổ phiếu gây áp lực nhiều nhất lên thị trường. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía bên bán với hơn 300 cổ phiếu giảm giá, trong nhóm VN30 có đến 27 cổ phiếu ghi nhận sắc đỏ. HĐTL các kì hạn đều giảm mạnh cũng cho thấy tâm lí bi quan vẫn là chủ đạo. Trong phiên ngày mai, quỹ ETF VNM và FTSE cũng sẽ giao dịch cơ cấu danh mục. Hoạt động này sẽ gây biến động cho thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 675 điểm.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt -0.8%. 13/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - tốt hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.8%, con số này của VNINDEX là -2.9%

Phân tích kỹ thuật: IDJ_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-21.72 điểm**, đóng cửa 725.94. HNX-Index **-0.85 điểm**, đóng cửa 100.99.
- Kéo chỉ số tăng: **VSH (+0.07); NT2 (+0.07); CAV (+0.07); ROS (+0.06); VIS (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.44); VNM (-2.89); SAB (-1.59); GAS (-1.45); BID (-1.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,267 tỷ đồng**, **+13%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 19.41 điểm. Thị trường có **69 mã tăng**, 44 mã tham chiếu và **313 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **476.02 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (82.86 tỷ), HPG (78.43 tỷ) và VNM (63.18 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **20.27 tỷ đồng**.

VN-INDEX 725.94
Giá trị: 3267.34 tỷ **-21.72 (-2.91%)**
Khối ngoại (ròng): -476.02 tỷ

HNX-INDEX 100.99
Giá trị: 471.89 tỷ **-0.85 (-0.83%)**
Khối ngoại (ròng): -20.27 tỷ

UPCOM-INDEX 49.90
Giá trị: 0.14 tỷ **-0.47 (-0.93%)**
Khối ngoại (ròng): -26.43 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	23.3	14.38%
Giá vàng	1,481	-0.35%
Tỷ giá USD/VND	23,372	0.54%
Tỷ giá EUR/VND	25,467	-0.69%
Tỷ giá JPY/VND	21,437	-0.46%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	5.12%
LS TPCP 5 năm	2.2%	6.42%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	213.3	MSN	82.9
SCS	2.8	HPG	78.4
CTG	1.5	VNM	63.2
KDH	1.2	VHM	58.8
PHR	0.8	E1VFN30	56.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

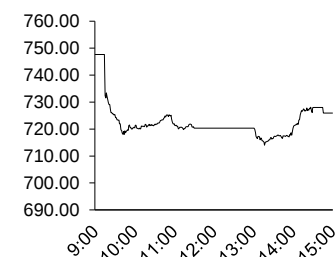
[Link](#)
[Link](#)

* **13/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản** - gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - tốt hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.8%, con số này của VNINDEX là -2.9%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **2/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

19/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.8%	-0.9%	-14.5%	-16.1%	-13.7%	-14.8%	18.5%	14.9%
Xây dựng	-1.5%	-3.5%	-20.9%	-23.5%	-33.3%	-39.6%	-29.3%	18.8%
BDS & Khu công nghiệp	-1.7%	-5.5%	-20.4%	-25.4%	-29.3%	-29.1%	2.8%	16.6%
Nước & Năng lượng	-2.0%	-0.1%	-20.6%	-25.9%	-28.9%	-29.1%	8.3%	15.3%
Ngành Dược	-2.1%	-1.4%	-14.0%	-12.3%	-10.0%	-9.9%	17.3%	18.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.4%	-3.9%	-20.1%	-22.5%	-25.0%	-24.6%	13.3%	15.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-2.5%	-3.5%	-20.9%	-20.7%	-22.9%	-15.1%	20.6%	18.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-2.5%	-4.1%	-19.8%	-21.5%	-23.5%	-19.4%	21.8%	16.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.5%	-5.7%	-19.7%	-25.5%	-28.6%	-29.7%	26.6%	14.4%
FTSE Việt Nam	-2.6%	-6.2%	-18.1%	-23.9%	-26.0%	-27.3%	34.6%	15.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.7%	-6.5%	-21.5%	-27.1%	-28.8%	-38.9%	1.1%	21.7%
VN Diamond	-2.8%	-4.8%	-23.0%	-19.9%	-22.0%	-14.6%	18.8%	18.0%
Lãi suất giảm	-2.9%	-8.1%	-24.2%	-24.0%	-27.5%	-31.6%	1.8%	18.2%
Dầu khí	-2.9%	-6.1%	-30.2%	-37.6%	-42.5%	-45.2%	-26.6%	23.8%
Ngân hàng	-3.0%	-6.4%	-25.4%	-15.8%	-14.1%	-14.3%	40.3%	22.3%
VN FinSelect	-3.1%	-5.6%	-22.8%	-15.5%	-15.1%	-19.7%	9.1%	18.9%
Chiến tranh thương mại	-3.2%	-9.0%	-24.4%	-28.6%	-32.6%	-34.3%	-24.0%	16.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-3.3%	-6.1%	-24.5%	-15.9%	-14.8%	-19.5%	12.1%	20.3%
Vật liệu Xây dựng	-3.4%	-6.1%	-21.7%	-26.1%	-25.5%	-26.2%	-22.6%	19.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-3.6%	-6.8%	-26.1%	-23.0%	-23.1%	-11.4%	43.4%	20.2%
Hàng tiêu dùng	-4.1%	-9.3%	-23.3%	-27.6%	-34.4%	-31.4%	3.8%	18.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 7	-2.4%	-5.5%	-21.2%	-24.7%	-26.4%	-18.2%	20.7%	16.1%
Danh mục 3	-2.8%	-7.1%	-26.9%	-25.8%	-29.8%	-26.7%	15.3%	21.0%
Danh mục 5	-2.9%	-3.8%	-21.6%	-22.2%	-23.1%	-11.6%	35.4%	17.7%
Danh mục 6	-3.8%	-6.8%	-25.6%	-22.1%	-25.3%	-23.6%	13.1%	19.4%
Danh mục 8	-3.9%	-6.5%	-25.4%	-28.1%	-29.1%	-20.5%	22.6%	18.6%

* Note
2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 12	-2.5%	-4.2%	-21.4%	-23.5%	-26.5%	-14.8%	53.5%	17.4%
Danh mục 11	-3.0%	-2.7%	-17.8%	-19.4%	-21.0%	-12.7%	23.4%	16.5%
Danh mục 10	-3.3%	-6.7%	-21.0%	-23.3%	-24.1%	-15.2%	18.7%	16.0%

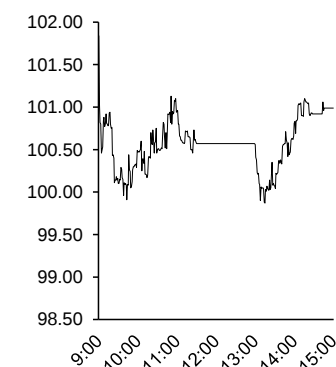
* Note
1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-2.9%	-5.6%	-21.8%	-24.9%	-27.2%	-28.3%	1.4%	16.0%
VN30INDEX	-3.0%	-5.5%	-21.3%	-22.8%	-25.5%	-27.1%	2.3%	16.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%
Bất động sản	-0.8%
Dịch vụ tài chính	-1.3%
Công nghệ Thông tin	-1.4%
Tài nguyên Cơ bản	-1.5%
Xây dựng và Vật liệu	-1.7%
Y tế	-2.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.2%
Du lịch và Giải trí	-3.5%
Ngân hàng	-3.6%
Truyền thông	-3.6%
Viễn thông	-3.7%
Bán lẻ	-3.8%
Hóa chất	-4.3%
Thực phẩm và đồ uống	-4.5%
Dầu khí	-4.5%
Bảo hiểm	-4.6%
Ô tô và phụ tùng	-4.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

IDJ_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm trên EMA26.

Nhận định: IDJ thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái điều chỉnh sau khi lập đỉnh tại vùng giá 20 nhưng hiện tại đang có sự hồi phục và vẫn giữ được đà tăng trung hạn của mình. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện chưa có sự đồng nhất về trạng thái. Tuy vậy, đường EMA12 vẫn đang ở trên đường EMA26 đồng thời chỉ báo RSI cũng đã trở lại khu vực trên giá trị 50 nên cổ phiếu có thể tiếp tục tăng giá trong những phiên tới. Theo đánh giá của chúng tôi, IDJ tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại ngưỡng kháng cự 20 và cần tìm thêm động lực để vượt qua vùng cản tâm lý này.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 19/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 19/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	21.77	6.87%	-30.89%	-58.40%	-63.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	25.43	2.21%	-23.45%	-55.80%	-60.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	63.50	-0.42%	-29.25%	-63.60%	-65.63%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1479.85	-0.40%	-6.08%	-7.60%	14.51%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	11.99	0.05%	-24.24%	-34.00%	-20.71%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	825.50	0.00%	-3.96%	-8.50%	-14.06%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	510.50	0.44%	0.99%	-9.60%	-0.54%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.27	-0.31%	-0.18%	-4.40%	3.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.70	-5.27%	-4.62%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.67	-2.02%	-12.97%	-26.70%	-25.28%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	108.30	5.56%	-3.35%	-2.70%	-3.52%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4745.00	-7.76%	-14.18%	-18.40%	-26.51%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3408.00	-4.30%	-2.77%	-1.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1650.00	-0.09%	-1.49%	-4.10%	-14.82%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	655.50	-3.32%	-0.30%	1.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.50	0.30%	2.23%	-5.50%	-24.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent giảm 3.85 USD tương đương 13.4% xuống 24.88 USD/thùng, trong phiên có lúc chạm 24.52 USD/thùng, thấp nhất kể từ năm 2003, trong khi dầu WTI giảm 6.58 USD tương đương 24.4% xuống 20.37 USD/thùng. Trong 10 ngày qua, giá dầu thô WTI giảm 56%.
- Giá dầu giảm xuống dưới ngưỡng 30 USD/thùng do đại dịch virus corona làm chậm tăng trưởng kinh tế và nhu cầu dầu, trong khi Saudi Arabia và Nga tiếp tục cạnh tranh để giành thị phần. Giá dầu giảm bất chấp thị trường chứng khoán hồi phục trở lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,524.81 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 tăng 2.6% lên 1,525.8 USD/ounce. Giá vàng tăng sau 5 phiên giảm liên tiếp do hoạt động mua vào kiếm lời, khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ thúc đẩy cho vay làm giảm bớt mối lo ngại về tính thanh khoản trên thị trường.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 22 US cent tương đương 2% xuống 10.67 US cent/lb, thấp nhất kể từ tháng 9/2018 và có tháng giảm thứ 2 liên tiếp xuống mức thấp nhất kể từ năm 2007. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 2.7 USD tương đương 0.8% xuống 335.8 USD/tấn.

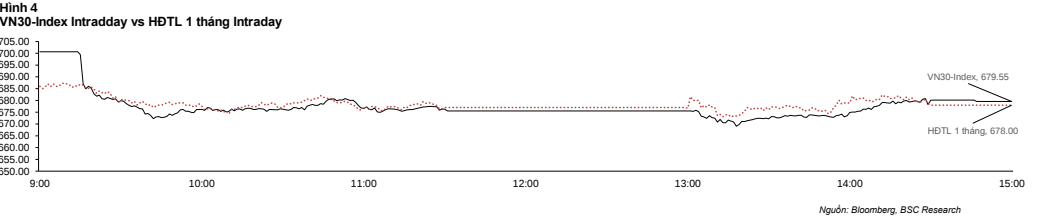
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.4 JPY xuống 161.2 JPY (1.5 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 315 CNY xuống 9,965 CNY (1,418 USD)/tấn, sau khi chạm 9,930 CNY/tấn, thấp nhất kể từ tháng 1/2016.
- Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại virus corona lây lan mạnh trên toàn cầu, làm lu mờ các biện pháp kích thích toàn cầu nhằm ngăn chặn tác động kinh tế từ đại dịch.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 4.1% lên 692 CNY (98.56 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.1%, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.5%.
- Trung Quốc sẽ tăng thuế xuất khẩu đối với gần 1.500 sản phẩm từ ngày 20/3/2020, khi chính phủ tìm cách giảm bớt áp lực đối với các công ty chịu ảnh hưởng bởi virus corona.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	678.00	-1.45%	-1.55	-20.1%	139,677	3/19/2020	0
VN30F2004	667.00	-2.20%	-12.55	267.9%	35,184	4/16/2020	28
VN30F2006	664.00	-2.50%	-15.55	-18.8%	65	6/18/2020	91
VN30F2009	661.10	-3.08%	-18.45	-88.8%	60	9/17/2020	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -21.10 điểm xuống mức 679.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, VPB, VCB, và HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh ngày đầu phiên sáng xuống gần 670 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh vùng 672 – 680 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 675 điểm.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 đang tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2006 đang giảm. Điều này báo hiệu vận động phục hồi ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM2001	KIS	6/19/2020	92	2:1	349,600	43.3%	2.0 triệu	31.04%	1,000	330	13.79%	64.80	5.09
CDPM2002	KIS	12/16/2020	272	1:1	11,000	10.0%	2.0 triệu	31.04%	1,700	1,700	9.68%	467.90	3.63
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	125	2:1	7,110	184.4%	1.0 triệu	25.53%	2,900	700	0.00%	238.60	2.93
CGMD1901	MBS	4/28/2020	40	3:1	15,060	10.3%	1.2 triệu	26.13%	1,680	40	0.00%	-	-
CGMD2001	HSC	6/22/2020	95	4:1	317,260	-27.6%	5.0 triệu	26.13%	1,000	60	0.00%	0.40	150.00
CMBB1903	SSI	4/22/2020	34	1:1	24,260	-71.4%	3.0 triệu	25.79%	4,000	190	-5.00%	-	-
CHPG2001	HSC	6/30/2020	103	2:1	49,810	2651.9%	5.0 triệu	28.81%	1,800	460	-8.00%	61.30	7.50
CSTB2002	KIS	12/16/2020	272	1:1	44,250	342.1%	3.0 triệu	28.69%	1,700	1,640	-10.38%	400.20	4.10
CFPT1908	MBS	6/17/2020	90	3:1	115,680	21.9%	2.4 triệu	25.53%	3,150	800	-11.11%	240.60	3.33
CHPG2002	KIS	12/16/2020	272	2:1	18,000	-83.1%	3.0 triệu	28.81%	1,700	710	-13.41%	58.30	12.18
CFPT2001	HSC	6/22/2020	95	5:1	28,110	-63.3%	5.0 triệu	25.53%	1,600	400	-16.67%	94.10	4.25
CHPG1909	KIS	5/15/2020	57	2:1	155,620	17.0%	5.0 triệu	28.81%	1,800	200	-20.00%	6.70	29.85
CFPT1906	HSC	4/8/2020	20	5:1	305,790	-32.9%	5.0 triệu	25.53%	1,700	60	-25.00%	0.40	150.00
CHDB2003	KIS	12/16/2020	272	2:1	3,790	n/a	2.0 triệu	27.66%	2,700	730	-26.26%	62.10	11.76
CHPG2003	MBS	5/4/2020	46	3:1	378,550	64.8%	6.0 triệu	28.81%	1,570	250	-26.47%	117.60	5.10
CHPG2004	SSI	6/15/2020	88	1:1	3,310	n/a	5.0 triệu	28.81%	2,800	600	-26.83%	-	-
CHPG1907	SSI	4/22/2020	34	1:1	133,790	-39.3%	1.0 triệu	28.81%	4,200	510	-31.08%	146.90	3.47
CFPT1905	SSI	4/22/2020	34	1:1	36,760	36.7%	1.0 triệu	25.53%	9,900	580	-31.76%	74.80	7.75
CMWG2004	SSI	6/15/2020	88	1:1	43,880	-59.6%	1.0 triệu	28.67%	13,600	1,100	-36.78%	52.40	20.99
CHDB2001	KIS	6/19/2020	92	2:1	43,190	-26.8%	5.0 triệu	27.66%	2,000	210	-41.67%	12.50	16.80
CHDB2002	MBS	4/10/2020	22	2:1	70,020	67.7%	1.5 triệu	27.66%	1,950	140	-44.00%	0.20	700.00
CHDB2004	SSI	5/14/2020	56	1:1	600,960	1742.3%	3.0 triệu	27.66%	3,200	70	-68.18%	2.00	35.00
Tổng:					2,755,800		68.10 triệu	27.67%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMWG2004 và CSTB2002 giảm mạnh lần lượt là -36.78% và -10.38 %. Trái lại, CDPM2002 tăng mạnh 9.68%. Giá trị giao dịch tăng 1.60%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.37% thị trường.
- Ngoài trừ các chứng quyền CVPB2001 và CVPB2002, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	5.63	6.83	0.13
NVL	51.00	0.00	0.00
SSI	13.70	0.00	0.00
SBT	14.95	-0.99	-0.05
CTD	53.00	-3.81	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	89.0	-6.32	-4.52
TCB	17.3	-3.90	-2.17
VPB	20.8	-3.48	-1.75
VCB	66.0	-4.76	-1.34
MWG	75.6	-4.06	-1.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM2001	16,567	14,567	12,050
CDPM2002	16,952	15,252	12,050
CFPT2002	63,800	58,000	47,700
CGMD1901	29,682	24,928	16,900
CGMD2001	29,000	25,000	16,900
CMBB1903	26,000	22,000	16,100
CHPG2001	27,600	24,000	19,150
CSTB2002	13,588	11,888	9,750
CFPT1908	63,450	54,000	47,700
CHPG2002	33,399	29,999	19,150
CFPT2001	64,000	56,000	47,700
CHPG1909	28,280	24,680	19,150
CFPT1906	65,500	57,000	47,700
CHDB2003	37,523	32,123	20,900
CHPG2003	26,810	22,100	19,150
CHPG2004	26,300	23,500	19,150
CHPG1907	25,200	21,000	19,150
CFPT1905	64,900	55,000	47,700
CMWG2004	24,100	10,500	75,600
CHDB2001	33,099	29,099	20,900
CHDB2002	29,900	26,000	20,900
CHDB2004	31,700	28,500	20,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	75.6	-4.1%	1.0	1,490	3.7	8,655	8.7	2.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	54.4	-5.2%	1.3	533	1.1	5,361	10.1	2.7	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	37.1	-4.9%	1.4	1,197	0.7	1,632	22.7	1.4	29.2%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	27.0	-7.8%	0.6	271	0.1	2,623	10.3	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.7	-0.3%	0.9	13,044	4.1	2,268	39.1	3.9	14.6%	11.7%
VRE	Bất động sản	21.9	-0.9%	1.1	2,164	2.0	1,253	17.5	1.8	32.5%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.0	0.0%	0.8	2,150	1.6	3,552	14.4	2.2	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	29.8	-1.7%	1.0	402	0.7	5,287	5.6	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.7	-2.3%	1.5	241	1.0	2,850	3.7	0.8	42.8%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.7	0.0%	1.4	309	1.5	1,787	7.7	0.7	52.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.7	-1.1%	1.0	134	0.0	4,218	4.4	0.8	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	14.0	1.1%	1.8	185	1.0	1,421	9.8	1.0	54.6%	11.7%
FPT	Công nghệ	47.7	-1.4%	0.8	1,407	2.7	4,631	10.3	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	42.1	-4.3%	0.4	455	0.0	4,812	8.7	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	55.3	-4.7%	1.6	4,602	2.2	6,096	9.1	2.2	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	40.1	-4.8%	1.5	2,076	0.9	3,495	11.5	2.1	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.4	-1.9%	1.6	216	1.9	1,529	6.8	0.4	18.4%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.4	-1.5%	0.8	863	0.9	1,163	5.5	0.6	41.1%	11.0%
DHG	Dược	77.0	-2.9%	0.5	438	0.1	4,668	16.5	3.0	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.1	1.7%	0.6	205	0.6	774	15.6	0.6	18.6%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.0	2.6%	0.7	137	0.2	600	9.9	0.5	1.9%	5.2%
VCB	Ngân hàng	66.0	-4.8%	1.2	10,643	3.5	5,003	13.2	3.0	23.8%	25.9%
BID	Ngân hàng	33.4	-3.3%	1.7	5,841	1.3	2,366	14.1	1.8	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	20.1	-4.1%	1.3	3,254	4.2	2,541	7.9	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	20.8	-3.5%	1.2	2,205	3.4	3,379	6.2	1.2	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.1	-2.4%	1.1	1,688	2.7	3,476	4.6	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	21.1	-0.5%	1.1	1,520	3.7	3,694	5.7	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.1	-2.0%	0.9	128	0.2	5,165	7.0	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	28.0	-0.4%	0.4	120	0.0	4,167	6.7	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	-2.6%	0.8	654	0.0	732	20.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.2	-2.8%	1.1	2,299	6.5	2,581	7.4	1.1	37.7%	17.0%
HSG	Thép	5.9	-3.6%	1.7	109	0.8	1,161	5.1	0.4	18.0%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	89.0	-6.3%	0.6	6,738	10.9	5,478	16.2	5.6	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	127.0	-6.6%	0.8	3,541	0.2	7,477	17.0	4.3	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.2	-0.4%	1.0	2,501	7.1	4,772	10.3	1.3	37.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	15.0	-1.0%	0.7	381	1.4	508	29.5	1.3	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	48.5	-4.0%	0.8	4,591	0.3	2,630	18.4	3.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	98.0	-3.4%	1.1	2,232	2.3	7,889	12.4	3.4	19.0%	28.7%
HVN	Vận tải	19.9	-4.3%	1.7	1,227	0.9	1,640	12.1	1.6	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	16.9	-0.3%	1.0	218	0.2	1,595	10.6	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.5	-4.3%	0.9	104	0.5	2,421	3.5	0.5	30.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	57.0	-1.0%	1.2	397	0.8	8,824	6.5	2.6	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.2	-5.6%	0.7	296	0.3	1,453	10.5	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.9	-3.7%	0.8	197	0.0	1,953	6.1	0.8	6.4%	14.2%
CTD	Xây dựng	53.0	-3.8%	1.2	176	0.3	8,858	6.0	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.9	0.0%	0.7	478	0.2	1,567	15.9	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.7	-6.2%	0.4	212	0.8	2,769	7.1	0.9	49.2%	12.9%
POW	Điện	8.5	-3.3%	0.6	862	1.0	1,064	8.0	0.7	12.6%	9.7%
NT2	Điện	17.9	4.7%	0.6	223	0.2	2,560	7.0	1.2	18.2%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VSH	19.95	6.12	0.07	9980.00
NT2	17.85	4.69	0.07	261650.00
CAV	60.90	6.84	0.06	13970.00
ROS	5.63	6.83	0.06	13.74MLN
VIS	21.40	7.00	0.03	130.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	18.90	9.25	0.06	100.00
HUT	2.00	5.26	0.02	8.70MLN
S99	7.70	5.48	0.02	4300.00
MBS	9.00	4.65	0.02	81700.00
L14	49.90	2.25	0.01	80000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-3.50	1.19MLN	1.11MLN
VNM	-0.01	-2.99	2.77MLN	607060.00
SAB	-0.01	-1.65	40740.00	373600.00
GAS	0.00	-1.48	897780.00	192700.00
BID	0.00	-1.32	906470.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.10	-0.47	-0.16	4.08MLN
SHB	11.80	-0.84	-0.13	4.99MLN
NVB	8.50	-3.41	-0.12	2.37MLN
PVI	27.00	-7.85	-0.08	87000.00
PVS	10.40	-1.89	-0.05	4.21MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIS	21.40	7.00	0.03	130.00
CLG	2.46	6.96	0.00	257620.00
ABS	13.85	6.95	0.01	12840.00
DIC	1.86	6.90	0.00	274160.00
CAV	60.90	6.84	0.06	13970.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	49400.00
KHS	11.30	9.7	0.01	51600.00
NBP	11.30	9.7	0.00	2200.00
VE4	6.80	9.7	0.00	100.00
PCE	5.90	9.3	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	7.44	-7.00	-0.01	10.00
PIT	6.12	-6.99	0.00	1040.00
HVX	3.46	-6.99	0.00	130.00
RDP	6.79	-6.99	-0.01	760.00
VPS	9.86	-6.98	-0.01	500.00

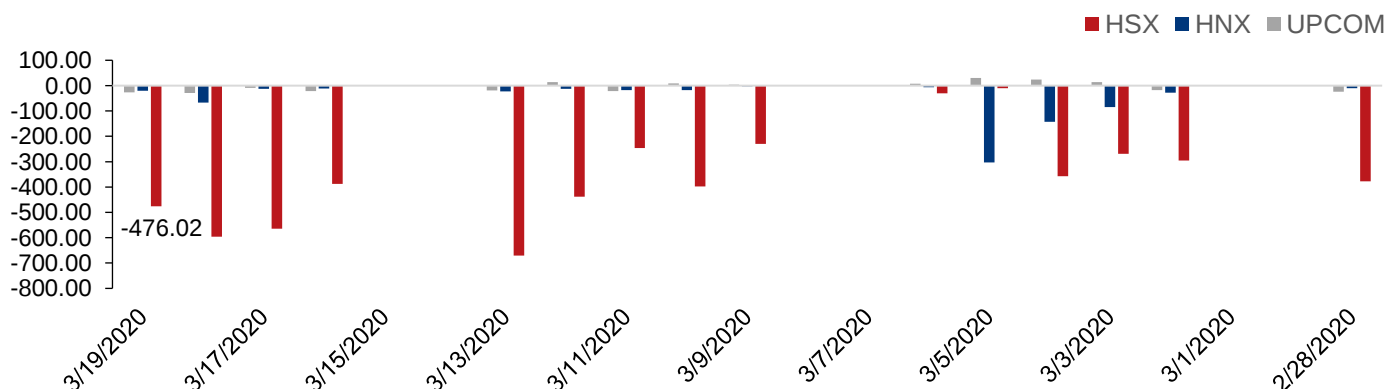
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVS	8.10	-10.00	-0.01	1100.00
MCO	1.80	-10.00	0.00	2000.00
VC2	13.50	-10.00	-0.01	100.00
VCM	20.70	-10.00	0.00	600.00
VE3	6.30	-10.00	0.00	500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	89.0	5,478	16.2	5.6	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.6	2,736	3.9	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	75.6	8,655	8.7	2.8	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	24.1	6,362	3.8	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	47.7	4,631	10.3	2.3	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.8	2,109	8.4	1.3	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	19.4	3,897	5.0	0.9	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	77.0	4,668	16.5	3.0	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.0	4,313	5.1	1.0	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	54.4	5,361	10.1	2.7	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.5	2,421	3.5	0.5	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	138.3	14,782	9.4	3.8	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.2	0	23.3	0.2	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	75.6	8,655	8.7	2.8	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	21.1	3,694	5.7	1.3	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.6	2,736	3.9	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	17.3	2,881	6.0	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	66.0	5,003	13.2	3.0	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	19.0	7,028	2.7	1.0	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	47.7	4,631	10.3	2.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 20400 ; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn